

TÍN NGƯỠNG DÒNG HỌ VỚI CỔ KẾT TỘC NGƯỜI Ở CÁC DÂN TỘC HMÔNG VÀ KHƠ-MÚ (Nghiên cứu tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An)

NGUYỄN VĂN TOÀN

1. Đặt vấn đề

Đòng họ là một thiết chế xã hội truyền thống giữ vai trò quan trọng trong đời sống tộc người, đặc biệt là ở người Hmông. Trong lịch sử, các tộc người đã xây dựng nên truyền thống cổ kết dòng họ, củng cố và phát triển quan hệ dòng họ trong đời sống xã hội và quá trình tộc người. Ngoài quan hệ huyết thống, hạt nhân cơ bản, đóng vai trò là sợi dây liên kết bền chặt trong dòng họ chính là các hình thức tín ngưỡng dòng họ. Các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng dòng họ vừa đáp ứng nhu cầu văn hóa tâm linh, vừa góp phần cổ kết dòng họ và tộc người.

Hầu hết các tộc người sinh sống ở vùng biên giới nước ta đều có bộ phận đồng tộc ở bên kia biên giới. Trong đó, người Hmông và người Khơ-mú ở dọc biên giới Việt - Lào vốn có quan hệ văn hóa - lịch sử từ lâu đời. Quan hệ dòng họ ở người Hmông và người Khơ-mú là một trong các đặc trưng tộc người nổi bật chi phối nhiều mối quan hệ cộng đồng khác. Trong tiến trình lịch sử, tín ngưỡng dòng họ của những dân tộc này không chỉ có vai trò quan trọng trong quan hệ dòng họ mà cả trong đời sống tộc người. Dòng họ của người Hmông và Khơ-mú ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An được bảo lưu, gìn giữ và vun đắp cho đến ngày nay trên cơ sở quan hệ huyết thống, niềm tin tín ngưỡng

chung, các kiêng kỵ và luật tục. Vì thế, việc nghiên cứu và tìm hiểu tín ngưỡng dòng họ của người Hmông và người Khơ-mú đang sinh sống ở huyện vùng cao dọc biên giới Việt - Lào như Kỳ Sơn không chỉ góp phần tìm hiểu một đặc trưng văn hóa tộc người quan trọng, mà còn góp phần tìm hiểu sự cổ kết tộc người và văn hóa tộc người xuyên biên giới.

Nghiên cứu này tiến hành tìm hiểu và đánh giá các hình thức tín ngưỡng dòng họ của người Hmông và người Khơ-mú đối với cổ kết tộc người dựa trên kết quả khảo sát trường hợp (phỏng vấn sâu và điều tra hộ gia đình) tại hai bản thuộc hai xã biên giới tiếp giáp với nước bạn Lào ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An: bản Trường Sơn của người Hmông ở xã Nậm Cắn và bản Bình Sơn 1 của người Khơ-mú ở xã Tà Cạ. Cả hai bản này đều được thành lập vào những năm 1970 của thế kỷ XX, thời kỳ vận động định canh định cư và hợp tác hóa nông nghiệp. Hiện nay, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống sinh hoạt tại hai bản đã được các chương trình dự án đầu tư xây dựng về điện, đường, trường học, nhà văn hóa cộng đồng.

Bản Trường Sơn nằm dọc theo quốc lộ 7A, cách cửa khẩu Nậm Cắn khoảng 2km. Dân số của Trường Sơn tính đến tháng 12/2011 có 205 hộ người Hmông với 2.106

nhân khẩu thuộc 6 dòng họ. Diện tích tự nhiên của Trường Sơn là 1568,92ha, trong đó, đất nông nghiệp là 678,34ha (đất sản xuất nương rẫy 240ha, lúa nước 0,5ha). Hoạt động kinh tế chủ yếu của dân bản dựa vào hai nguồn chính là trồng trọt nương rẫy và chăn nuôi. Ngoài ra, người dân Trường Sơn có thu nhập đáng kể từ hoạt động buôn bán, nhất là buôn gia súc, gia cầm từ Lào về Việt Nam. Năm 2011, số hộ nghèo theo chuẩn mới là 166/205 hộ, chiếm 81%, trong khi tỷ lệ này ở người Khơ-mú trong xã là 97%.

Bản Bình Sơn 1 nằm cách trung tâm xã 1km, cách thị trấn Mường Xén 3km. Bản nằm dọc theo đường 7B và ven sông Nậm Mộ. Diện tích tự nhiên của Bình Sơn 1 là 1.800ha; trong đó, đất nương rẫy - 85ha, ruộng nước - 3ha. Tính đến tháng 12/2011, dân số của bản gồm 88 hộ và 489 khẩu, trong đó, có 2 hộ người Kinh và người Thái. Ngoài sản xuất nương rẫy, dân bản Bình Sơn 1 bắt đầu làm ruộng nước, làm vườn và phát triển chăn nuôi kể từ khi định canh định cư. Tuy nhiên, nguồn sống chính của họ vẫn là nương rẫy. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2011 ở Bình Sơn 1 là 97,7% (86/88 hộ) so với tỷ lệ chung toàn xã là 63,4%.

2. Các hình thức tín ngưỡng dòng họ của người Hmông và người Khơ-mú

2.1. Những tín ngưỡng dòng họ cơ bản của người Hmông

Người Hmông gọi dòng họ là *xênh*, bao gồm những người có quan hệ huyết thống tính theo phụ hệ, gắn bó với nhau về tình cảm, tín ngưỡng và bổn phận theo luật tục dòng họ. Cộng đồng Hmông ở Việt Nam có khoảng 20 dòng họ khác nhau (Vương Duy Quang, 2005, tr. 75), tại huyện Kỳ Sơn có 12 dòng họ. Bản Trường Sơn có 6 dòng họ

(Lâu, Xông, Lý, Và, Vừ, Hờ), trong đó, họ Lâu chiếm 50% số hộ, họ Xông chiếm 15%.

Quan hệ dòng họ của người Hmông bao gồm hai cấp độ cố kết rộng và hẹp (Huyện ủy Kỳ Sơn, 1999, tr. 266-269; Hoàng Xuân Lương, 2000, tr. 61). Ở phạm vi rộng, đồng bào Hmông coi tất cả những người cùng họ đều là anh em, đều cùng chung một nguồn gốc, cho dù sinh sống ở đâu. Ở phạm vi hẹp, dòng họ bao gồm những người tính theo trực hệ dòng cha, cùng chung một ông tổ cụ thể từ 4 đến 5 đời, thậm chí 6 - 7 đời. Những người này coi nhau là anh em ruột thịt “cùng ma”, cùng thờ chung tổ tiên. Nếu cùng họ nhưng không cùng chung một ông tổ đã xác định, người Hmông coi nhau là những người anh em “khác ma” (Huyện ủy Kỳ Sơn, 1995, tr. 267). Vì thế, để xác định quan hệ dòng họ và nhận họ hàng, người Hmông phải xem xét đến phả hệ thờ cúng tổ tiên, các tín ngưỡng mang “ký hiệu” kiêng kỵ và nghi thức cúng bái riêng của dòng họ mà mỗi thành viên phải biết rõ và tuân thủ nghiêm ngặt.

Từ kết quả khảo sát tại bản Trường Sơn và đối chiếu với một số điểm nghiên cứu khác trong huyện Kỳ Sơn cho thấy, người Hmông có các hình thức tín ngưỡng dòng họ cơ bản gồm: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên; các kiêng kỵ về ăn uống liên quan đến tô tem dòng họ; lễ cúng *nhụ đa* - ma bò, lễ cúng *đa trùng* - ma buồng; lễ trừ tà ma cho dòng họ: *sầu su* và *thi su*; tín ngưỡng dòng họ trong tang ma. Trường họ là người am hiểu sâu sắc các hình thức tín ngưỡng của dòng họ, các quy định kiêng kỵ và các bài cúng của dòng họ; đồng thời, đứng ra tổ chức, duy trì các sinh hoạt tín ngưỡng trong phạm vi dòng họ.

2.1.1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng chung của các dòng họ ở bản Trường Sơn và trong cộng đồng Hmông. Ở phạm vi cố kết rộng, đồng bào coi tất cả những người cùng họ đều thờ chung một ông tổ sinh ra. Theo đồng bào, tổ tiên bao gồm những người đã khuất tính từ thế hệ cha ông trở lên. Trưởng họ chịu trách nhiệm thờ cúng tổ tiên chung của dòng họ. Các gia đình thờ cúng tổ tiên trong ba đời: cha mẹ, ông bà, cụ. Tại Trường Sơn, nơi thờ cúng tổ tiên đặt ở vách sau của gian giữa nhà, chung với nơi thờ *xử ca*. Tổ tiên được coi là những “ma lành” thường bảo vệ con cháu trong gia đình và dòng họ, nhưng nếu không thờ cúng hàng năm, tổ tiên sẽ gây ra nhiều bất lợi cho con cháu. Lễ cúng tổ tiên được tiến hành vào các dịp: mừng năm mới, đám cưới, tang ma, lễ cơm mới, lễ đặt tên cho trẻ sơ sinh, lễ cúng vía... Đồng bào cho biết, việc thờ cúng tổ tiên trong dòng họ và gia đình nhằm bày tỏ lòng biết ơn đối với người đã khuất, cầu mong sức khỏe và thịnh vượng.

2.1.2. Những kiêng kỵ liên quan đến ăn uống

Mỗi dòng họ người Hmông đều có tín ngưỡng kiêng kỵ (hèm) riêng của dòng họ liên quan đến ăn uống kèm theo một huyền tích kể về nguồn gốc (Huyện ủy Kỳ Sơn, 1995; Phạm Quang Hoan, 1995; Hoàng Xuân Lương, 2000; Vương Duy Quang, 2005). Tại bản Trường Sơn, hầu hết các dòng họ vốn chuyển cư đến từ các xã Mường Lống, Huổi Tụ nên các thành viên dòng họ vẫn ghi nhớ các kiêng kỵ theo luật tục. Họ Lầu kiêng ăn thịt hổ, kiêng ăn cơm với quả chua. Họ Lý kiêng ăn hoặc dùng lá lách các con vật trong lễ cúng. Họ Hờ kiêng không ăn và giết chết khỉ. Họ Và kiêng không ăn và giết chim đại bàng, kiêng không ăn cơm với quả chua,

không mang rau lên rẫy. Họ Xông kiêng không ăn và giết gấu. Họ Vừ kiêng không ăn và giết chó sói. Theo Hoàng Xuân Lương (2000, tr. 174), họ Vừ thường dùng xương lợn để cúng vật tổ là chó sói.

Thực chất những “hèm” của các dòng họ người Hmông là hình thức tín ngưỡng mang dấu ấn tô tem giáo. Mỗi dòng họ đều lưu truyền một câu chuyện kể về nguồn gốc kiêng kỵ hoặc tô tem. Chẳng hạn, họ Lầu, họ Vừ có truyền thuyết về ông tổ dòng họ là các con vật được kiêng kỵ. Mọi thành viên dòng họ được trưởng họ và ông bà, cha mẹ nhắc nhở về các kiêng kỵ và tự giác tuân theo một cách thành kính. Theo đồng bào, nếu vi phạm đến các kiêng kỵ sẽ hứng chịu những điều không may xảy ra như: đau ốm, tai nạn, nội bộ bất hòa...

2.1.3. Tín ngưỡng dòng họ trong lễ cúng “nhụ đa” và “đa trùng”

Lễ *nhụ đa* (ma bò) là lễ cúng đền ơn bố mẹ đã mất, phổ biến như một luật tục của đồng bào Hmông nước ta. Tại bản Trường Sơn, sau khi bố mẹ đã mất từ 3 đến 5 năm, gia đình người con trai phải làm lễ cúng *nhụ đa* với ý nghĩa đền ơn bố mẹ. Số lần cúng *nhụ đa* khác nhau ở các dòng họ. Họ Lầu ở Trường Sơn chỉ cúng *nhụ đa* một lần, trong khi họ Lý, họ Vừ phải làm *nhụ đa* nhiều lần. Có khi gia đình có người ốm nặng, người ta cũng tiến hành làm lễ *nhụ đa* cho bố mẹ theo lời bói của thầy cúng. Hiện nay, các họ trong bản Trường Sơn đều dùng bò làm vật hiến sinh khi cúng *nhụ đa*.

Cách tiến hành cúng ma bò theo các bước giống nhau ở các dòng họ. Khi làm lễ *nhụ đa*, chủ nhà mời anh em trong họ và trưởng họ đến giúp, chỉ bảo các bước thực hành nghi lễ. Người ta dựng một chiếc lều ở

ngoài sân và buộc con bò làm lễ vật ở sau lều. Đồng bào đem áo của bố hoặc mẹ đã mất đến trải trên chiếu trong lều theo quy định của từng dòng họ: Họ Lầu đặt gấu áo của người chết quay về hướng con bò; họ Lý đặt đầu áo hướng về phía thờ *xử ca* trong nhà. Điều khác biệt ở chỗ, mỗi dòng họ có số lượng bát thịt cúng và cách bày các bát thịt cúng theo thứ tự khác nhau, cách sắp xếp phần thịt cúng ở từng bát khác nhau nhưng phải đủ các bộ phận của con bò. Họ Lý cúng *nhụ đa* bày 13 bát thịt cúng chia làm 2 hàng. Họ Và bày 9 bát, chia thịt từ trái sang phải thành 1 hàng. Họ Lầu thuộc chi họ của ông Lầu Lệnh Chur ở Trường Sơn bày 13 bát thịt cúng trong khi chi họ của ông trưởng bản Lầu Gà Lồng chỉ bày 3 bát. Các dòng họ có thể cùng số lượng bát cúng nhưng bao giờ cũng khác nhau về cách bày các phần thịt trên cơ thể của con bò ở các bát. Đây chính là “ký hiệu” riêng của từng dòng họ trong lễ *nhụ đa*.

Lễ thức cúng *đa trùng* (ma buồng) được các hộ trong bản tiến hành ít nhất một lần trong năm. Lễ *đa trùng* phải tổ chức vào ban đêm nhưng thời điểm cúng khác nhau ở các dòng họ. Chẳng hạn, họ Lầu trong bản bắt đầu lễ cúng vào 8 giờ tối, họ Lý cúng vào nửa đêm. Đồng bào chỉ được phép nói tiếng Hmông trong quá trình làm lễ. Khi làm thịt lợn xong, người họ Lầu thường phải chôn lông, xương, móng xuống hố ở góc nhà; họ Xông lại phải đem chôn ở bên ngoài nhà. Trình tự nghi lễ *đa trùng* giống nhau ở các dòng họ nhưng khác nhau ở số lượng bát thịt cúng, tương tự như trong lễ *nhụ đa*. Số bát thịt cúng bao giờ cũng là số lẻ: 3, 5, 7, 9, 11... Mặt khác, các dòng họ và chi họ còn quy định nơi đặt mâm cúng khác nhau. Họ Vừ cúng *đa trùng* ở trong buồng chủ nhà, chi họ Lầu của ông Lầu Lệnh Chur lại đặt mâm cúng ở gần bếp lửa.

2.1.4. Tín ngưỡng dòng họ trong lễ đuổi tà ma - “sầu su” và “thi su”

Theo phong tục của đồng bào Hmông ở Kỳ Sơn, các dòng họ tổ chức lễ *sầu su* hoặc *thi su* trong phạm vi dòng họ hàng năm. Dòng họ nào đã làm lễ *sầu su* hàng năm thì ba năm sau làm lễ *thi su*, dòng họ nào không cúng *sầu su* thì làm lễ *thi su* hàng năm. Lễ *sầu su* là một nghi lễ quan trọng của các dòng họ người Hmông trong phạm vi cổ kết họ, gồm tất cả các thành viên cùng chung một ông tổ bảy đời. Vì thế, những người con cháu của dòng họ cho dù cư trú ở đâu, cả nam lẫn nữ đều được thông báo về làm lễ *sầu su*. Các dòng họ: Lầu, Xông, Lý, Hờ, Vừ ở Trường Sơn làm lễ *sầu su* vào ngày 27 tháng 9 (dương lịch), họ Và cúng vào ngày 29 tháng 9.

Nghi thức lễ *sầu su* giống nhau ở các dòng họ trong bản. Tuy làm lễ *sầu su* cùng một ngày nhưng các dòng họ cúng vào những thời điểm khác nhau. Họ Lầu cúng vào buổi sáng, họ Vừ cúng vào buổi trưa, họ Xông cúng vào buổi chiều... Lễ *thi su* có ý nghĩa và thời gian tiến hành giống như lễ *sầu su* nhưng đơn giản hơn về thủ tục và lễ thức. Đây là hai nghi lễ sinh hoạt tín ngưỡng chung của dòng họ người Hmông nhằm cầu phúc, xua đuổi tà ma và những cái xấu, đồng thời, nhắc nhở bản phận thương yêu, giúp đỡ nhau giữa những người cùng tổ tiên, “cùng ma”. Vì thế, người ta còn gọi các lễ thức này là lễ thẻ cổ kết dòng họ của người Hmông (Hoàng Xuân Lương, 2000).

2.1.5. Tín ngưỡng dòng họ trong tang ma

Nghi lễ tang ma là một trong loại hình tín ngưỡng mang những “ký hiệu” riêng của các dòng họ Hmông. Tang lễ của người Hmông ở Kỳ Sơn tiến hành thống

nhất ở các dòng họ gồm: lễ báo tin, lễ chỉ đường, lễ đuôi tà ma (lễ đuôi giặc Hán), lễ viếng, lễ đưa người chết ra bãi, lễ chôn cất, lễ ma khô. Tuy nhiên, các dòng họ và nhiều chi họ có sự khác biệt về cách đặt người chết trong nhà, cách đặt hướng mộ và cách chôn.

Tại bản Trường Sơn, khi người đã mất để trong nhà, các họ Và, Lý, Hồ đặt đầu người đã mất hướng về phía *xử ca*, chân chạm vào cột cái; họ Vừ đặt đầu hướng về *xử ca*, chân hướng ra cửa chính; họ Lầu, họ Xông đặt đầu chạm vào cột cái, chân quay về hướng *xử ca*. Các họ và chi họ quy định cách đặt hướng mộ và chôn khác nhau. Họ Xông chôn dọc theo thế núi, đầu quay về hướng mặt trời mọc. Chi họ Lầu của ông Lầu Gà Lồng chôn người chết nằm ngang thế núi, xung quanh mộ có kè đá (nữ 7 lớp, nam 9 lớp); trong khi chi họ Lầu của ông Lầu Lệnh Chur chôn người chết nằm ngang thế núi nhưng mộ chỉ đắp đất và có hàng rào che. Như vậy, giữa các dòng họ và chi họ có những tín hiệu trong tang ma để phân biệt dòng họ, phân biệt những người cùng họ nhưng “khác ma”. Ngoài những đặc trưng kể trên, theo Trần Hữu Sơn (1996, tr. 77-79), người Hmông ở phía Bắc có sự khác biệt nhất định theo dòng họ trong lễ đuôi tà ma, lễ đưa người chết ra ngoài bãi, lễ chôn.

Các hình thức tín ngưỡng dòng họ cơ bản trên chính là hạt nhân đóng vai trò cốt kết bền chặt trong quan hệ họ hàng của người Hmông. Các tín ngưỡng dòng họ của người Hmông mang tính đặc thù, gồm nhiều “ký hiệu” và nghi lễ khá phức tạp. Chính sự khác biệt mang bản sắc dòng họ ấy đã làm nên bản sắc văn hóa tộc người trong đời sống tâm linh.

2.2. Các tín ngưỡng dòng họ của người Kơ-mú

Người Kơ-mú ở Kỳ Sơn, Nghệ An gọi dòng họ là *tak*. Đó là cộng đồng bao gồm những người có chung quan hệ huyết thống theo trục hệ dòng cha và tất cả những người cùng chung một vật tổ (tô tem), có chung kiêng kỵ về tô tem nên không được phép kết hôn với nhau. Hiện nay, người Kơ-mú ở Kỳ Sơn có hơn 10 dòng họ; trong đó, bản Bình Sơn 1 có 4 dòng họ: Moong, Lữ, Cụt, Vi. Họ Moong chiếm 46/86 hộ dân Kơ-mú, họ Lữ có 25 hộ, còn lại là họ Cụt và họ Vi. Đáng chú ý, khác với người Kơ-mú ở Tây Bắc thường mang họ tiếng Thái (Đặng Nghiêm Vạn, 1971), người Kơ-mú ở Nghệ An gọi dòng họ theo tiếng dân tộc của mình như: Tmoong, Rvaikrlự, Hung, Oóc... Riêng họ Vi ở bản Bình Sơn 1 vốn là một họ gốc Thái bởi ông tổ ba đời là người Thái đã kết hôn và ở rể tại bản Kơ-mú.

Các dòng họ của người Kơ-mú không được tổ chức chặt chẽ như ở người Hmông, không có trưởng họ và các sinh hoạt tín ngưỡng chung. Tín ngưỡng dòng họ nổi bật ở người Kơ-mú thể hiện qua hai hình thức: những kiêng kỵ và huyền thoại liên quan đến vật tổ mang tên dòng họ; lễ thức thờ cúng ma nhà - *hrôigang*. Các tín ngưỡng này mang dấu hiệu để cố kết dòng họ và mức độ hẹp hơn là chi họ và duy trì ngoại hôn dòng họ.

2.2.1. Những kiêng kỵ và huyền thoại liên quan đến tô tem dòng họ

Giống như người Kơ-mú ở Tây Bắc, các dòng họ của người Kơ-mú ở Kỳ Sơn đều mang tên tô tem của dòng họ là một loài động vật, thực vật hoặc một vật vô tri vô giác; phổ biến là tên thú, tên chim, và tên một loài cây. Mỗi dòng họ có một câu

chuyện huyền thoại kể về nguồn gốc vật tổ và những kiêng kỵ liên quan.

Qua khảo sát ở Bình Sơn 1, họ Moong có vật tổ là con chồn (*Tmoong*). Người họ Moong kiêng không bắt và ăn thịt con chồn nhưng vẫn có thể bắt, đem bán hoặc cho người họ khác ăn. Họ Lữ kiêng không ăn thịt hổ nhưng vẫn có thể đuổi đánh hổ khi bị đe dọa tính mạng và vật nuôi, nếu đánh hổ chết thì cho họ khác ăn. Họ Cụt kiêng một loài cây rừng (*guột*), khi phát rầy có thể chặt nhưng kiêng không để nhựa ra tay, nếu nhựa rây vào tay sẽ bị lở tay, tróc da. Ngoài ra, họ Moong trong bản còn kiêng ăn thịt chó, thịt dê và thịt rắn. Những kiêng kỵ của dòng họ do cha mẹ truyền lại cho con cháu từ khi còn nhỏ. Theo đồng bào, nếu ăn phải vật tổ sẽ bị đau bụng, rụng răng, già nhanh và giảm tuổi thọ.

Nguồn gốc mang tên vật tổ và những kiêng kỵ của mỗi dòng họ đều có một huyền thoại để giải thích. Giờ đây, các huyền thoại này đã trở nên mờ nhạt. Bà con họ Moong ở Bình Sơn 1 nói rằng, việc mang tên và kiêng con chồn do huyền thoại kể về con chồn đã bảo vệ người họ Moong trong một tai nạn nên khi nó chết đi, người ta lấy con chồn làm họ để tỏ lòng biết ơn. Trong khi đó, huyền thoại về vật tổ của họ Cụt còn in đậm trong trí nhớ của bà con trong họ. Đại ý chuyện kể rằng, ngày xưa, một người muốn đi qua con suối nhìn thấy cây *guột* nằm bắc ngang. Các con vật đều đi qua cây đó sang bờ bên kia. Ông ta bèn đi theo cây này nhưng đến giữa chừng thì cây bị gãy cụt làm ông ta rơi xuống suối chết. Con cháu đi tìm khắp nơi và khi nhìn thấy cảnh tượng này bèn kiêng cây *guột* và lấy tên cây đó làm họ. Những kiêng kỵ và huyền thoại về vật tổ dòng họ của người Khơ-mú ở Kỳ Sơn về cơ bản giống với người đồng tộc ở

Tây Bắc như trong các phát hiện của Đặng Nghiêm Vạn (1971). Điều này cho thấy mối liên hệ về mặt lịch sử giữa hai cộng đồng Khơ-mú ở Tây Nghệ An và Tây Bắc.

2.2.2. Lễ thức thờ cúng ma nhà (*Hrôi gang*)

Tại Kỳ Sơn, các hộ gia đình người Khơ-mú tiến hành nghi lễ thờ cúng ma nhà (*hrôi gang*) theo trình tự và nghi thức mang tính thống nhất trong dòng họ. Đó chính là phong tục thờ cúng tổ tiên, cha mẹ đã mất có liên quan nhất định đến tô tem. Người Khơ-mú quan niệm rằng, ma nhà do bố mẹ đã chết biến thành cùng với ma tổ tiên (*hrôi tạ dạ*) sẽ phù trợ cho con cháu nên đồng bào thường tổ chức cúng ma nhà hàng năm để cầu mong tổ tiên che chở, giúp đỡ họ khi làm rẫy, đi rừng, chăn nuôi và bảo vệ sức khỏe.

Các dòng họ khác nhau về thời gian thực hành nghi lễ và lễ vật dâng cúng, cách bày phân thịt cúng và vật dụng để đồ cúng lễ. Họ Lữ ở Bình Sơn 1 chỉ cúng *hrôi gang* một lần vào tháng 12 (lịch Khơ-mú) hàng năm, sau khi thu hoạch nương rẫy. Họ Moong và họ Cụt cúng tổ tiên hai lần vào dịp đầu năm mới và cuối năm. Họ Lữ có tô tem là con hổ nên lễ vật là con lợn, trong khi các họ khác dùng gà là vật hiến sinh. Họ Lữ cúng ma nhà luân phiên hàng năm giữa những gia đình anh em trai nhưng các họ khác tiến hành cúng theo từng hộ gia đình hàng năm. Thời điểm cúng của họ Lữ bắt đầu từ trưa sang chiều, còn họ Moong, họ Cụt phải làm lễ cúng vào nửa đêm. Điểm chung ở các dòng họ là, đồng bào tiến hành lễ cúng tại bếp kiêng trong gian buồng của chủ nhà - nơi trú ngụ *hrôi gang* và khi bắt đầu cúng phải đóng cửa không cho người ngoài vào nhà. Nội dung các bài cúng nhằm tỏ lòng biết ơn tổ tiên, cầu mong sức khỏe và làm ăn thuận lợi.

Nghi thức cúng ma nhà có những “ký hiệu” riêng ở các dòng họ và chi họ. Các thông tín viên ở Bình Sơn 1 cho biết, chi họ Moong thờ cúng con *Tmoong moóc* (chồn anh) thì làm lễ cúng rồi ăn tại bếp kiêng, chi họ thờ cúng con *Tmoong phrê* (chồn em) thì cúng tại bếp kiêng nhưng khi ăn thì chuyển ra gian nhà ngoài. Họ Cụt khi cúng tổ tiên chỉ lấy hai đùi gà, phần đầu và bộ lòng bày ra mâm cúng. Các chi họ Cụt phân biệt với nhau ở cách bày đồ cúng ra vật dụng nào: một chi họ Cụt bày ra mâm ăn cơm hàng ngày, một chi đặt lên lá chuối rồi đặt lên cái mẹt, một chi đặt đồ cúng lên lá chuối cạnh bếp kiêng.

Như vậy, các tín ngưỡng dòng họ của người Khơ-mú chủ yếu liên quan đến tô tem. Nghi thức thờ cúng không phức tạp và nhiều thủ tục như ở người Hmông. Tuy nhiên, đó là niềm tin thiêng liêng mang sức mạnh tâm linh, đóng vai trò cố kết tư tưởng, tình cảm, củng cố mối quan hệ dòng họ.

3. Sự thống nhất và khác biệt trong tín ngưỡng của các dòng họ

Hiện nay, ở cả người Hmông và người Khơ-mú tại các điểm nghiên cứu, các dòng họ đều bảo lưu và duy trì các hình thức tín ngưỡng dòng họ kể trên, mang tính thống nhất trong cộng đồng. Nhìn chung, các dòng họ của người Hmông và người Khơ-mú đều có tín ngưỡng dòng họ về kiêng kỵ ăn uống liên quan đến ông tổ, vật tổ và phong tục thờ cúng cha ông đã mất. Nhưng tín ngưỡng tô tem dòng họ của người Khơ-mú còn rất sâu đậm. Mặt khác, những tín ngưỡng dòng họ của người Hmông phong phú, phức tạp và tiến hành theo những luật tục chặt chẽ hơn nhiều so với ở người Khơ-mú. Người Hmông thường duy trì và tổ chức các tín ngưỡng chung của dòng họ (lễ trừ tà ma),

trong khi dòng họ của người Khơ-mú không có hình thức sinh hoạt tín ngưỡng chung.

Các nghi thức thực hành tín ngưỡng của các dòng họ cơ bản giống nhau về trình tự lễ thức nhưng khác nhau về thời gian và thời điểm tiến hành, về lễ vật hiến sinh dâng cúng theo “hèm”. Sự phân biệt dòng họ và chi họ chủ yếu thông qua các kiêng kỵ và huyền thoại liên quan đến vật tổ, các “ký hiệu” cụ thể mang đặc trưng riêng theo quy định có tính luật tục trong lễ thức được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Dòng họ và một số chi họ của người Hmông khác nhau ở một số nghi thức tang ma, ở số lượng và cách bày các bát thịt cúng, cách sắp xếp các phần thịt cúng trong các bát. Các dòng họ người Khơ-mú nhấn mạnh sự khác biệt vào những kiêng kỵ tô tem, cách thực hành nghi lễ cúng ma nhà ở cách bày phần thịt cúng khác nhau, cách bày đồ lễ cúng ra các vật dụng khác nhau (mâm, lá chuối, mẹt). Những đặc thù dòng họ này ở người Hmông và người Khơ-mú vừa cụ thể lại vừa phức tạp, đòi hỏi các thành viên dòng họ phải ghi nhớ để phân biệt giữa các dòng họ và các chi họ.

Các tín ngưỡng dòng họ của người Hmông và người Khơ-mú đều mang tính phổ quát của tín ngưỡng tộc người. Đó là các tín ngưỡng dân gian phản ánh thế giới quan tộc người mang đậm dấu ấn nguyên thủy như: tô tem giáo, đa thần giáo, sa man giáo và thờ cúng tổ tiên. Có điều, theo thời gian, những tín ngưỡng này trở nên thế tục hóa với những nghi thức khá phức tạp như ở người Hmông. Mặt khác, tín ngưỡng dòng họ của người Hmông còn in dấu lịch sử tộc người trong quá trình phản kháng lại người Hán, biểu hiện trong nghi lễ tang ma (lễ đuổi tà ma, cách chôn người chết).

4. Tín ngưỡng dòng họ và cổ kết tộc người

Tín ngưỡng dòng họ của đồng bào Hmông và Khor-mú là hạt nhân cơ bản, đóng vai trò là “chất keo” liên kết bền chặt trong dòng họ. Các hình thức tín ngưỡng dòng họ vừa đáp ứng nhu cầu văn hóa tâm linh, vừa góp phần cổ kết quan hệ dòng họ và tộc người về tư tưởng, tình cảm và nhiều mối quan hệ khác trong đời sống xã hội.

Trước hết, tín ngưỡng dòng họ của người Hmông và người Khor-mú là “tín hiệu” để các thành viên cùng dòng tộc nhận biết và gắn bó với nhau, có trách nhiệm giúp đỡ và bảo vệ nhau. Đồng thời, đó cũng là niềm tin tâm linh và luật tục thiêng được trao truyền qua các thế hệ. Qua phỏng vấn đồng bào ở hai bản cho thấy, đối với các thành viên dòng họ, tín ngưỡng dòng họ và quan hệ họ hàng không chỉ là chỗ dựa tinh thần và vật chất vững chắc, mà còn đóng vai trò điều hòa mối quan hệ giữa các thành viên, các hộ gia đình thành viên và quan hệ cộng đồng khi có những bất hòa xảy ra.

Ở cả người Hmông và người Khor-mú, những tín ngưỡng dòng họ chính là “chỉ dấu” và “tín hiệu” thiêng liêng để những thành viên tộc người xác định họ hàng. Người dân ở hai bản Trường Sơn và Bình Sơn 1 cho biết, bà con thường có tục nhận biết họ hàng qua những tập tục kiêng kỵ dòng họ khi tiếp xúc với những người đồng tộc bất cứ khi nào có thể như: đi chơi, đi chợ, buôn bán, học hành, khi đi bộ đội, khi sang Lào... Thỉnh thoảng vào lúc nông nhàn, đồng bào Hmông và Khor-mú thường đến chơi các bản người đồng tộc trong vùng để tìm và nhận họ. Khi đã nhận ra họ hàng cùng một gốc, cùng phong tục kiêng kỵ, đồng bào đều coi nhau

như anh em ruột thịt, có thể ở chơi dài ngày và chết ở nhà nhau cũng được. Kể từ đó, bà con thường xuyên đi lại thăm thân và tương trợ nhau, nhất là vào các dịp đám cưới, tang ma, làm nhà mới, cúng vía hoặc đau ốm. Khi người họ hàng đến chơi nhà, đồng bào tiếp đãi và giúp đỡ nhau rất niềm nở, cho dù còn thiếu thốn hay bận rộn công việc. Nếu không làm như vậy, cả người Hmông và người Khor-mú đều lo ngại khách và dân bản sẽ cười chê. Chẳng hạn, ông Moong Văn Kim ở bản Bình Sơn 1 đã từng đi bộ 30km đến xã Mường Ải nhận họ hàng. Theo ông Kim, khi họ hàng đến chơi, gia chủ thường phải giết gà, mở rượu cần, rượu chai thết đãi và mời anh em cùng đến ăn, có khi từ 3 đến 5 ngày.

Tín ngưỡng dòng họ là cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân ngoại tộc, từ đó tăng cường liên kết các dòng họ trong nội bộ tộc người. Ngoại hôn dòng họ trên phạm vi rộng là đặc trưng của cộng đồng Hmông. Trong 67 hộ khảo sát tại địa phương, có 153 người con đã lập gia đình nhưng không có trường hợp nào kết hôn cùng dòng họ; trong đó, có 17 người kết hôn với người tại bản, 128 người kết hôn với người khác bản, 7 người kết hôn với đồng tộc ở Lào và chỉ có 1 trường hợp kết hôn với người Thái. Đáng chú ý, thanh niên Hmông thường quay trở về làng cũ thăm họ hàng và tìm hiểu nam nữ để kết hôn. Vì thế, mạng lưới kết hôn của người Hmông rất rộng. Trong số người kết hôn kể trên, phổ biến là hôn nhân với người ở các xã khác, cách đó vài chục kilômét. Trong khi đó, hôn nhân còn mang tính khép kín ở các làng Khor-mú. Tại 32 hộ khảo sát ở Bình Sơn 1, có tới 68,8% số con đã lập gia đình kết hôn với người cùng bản. Đáng chú ý, có một số trường hợp hôn nhân cùng dòng họ Moong trong bản. Những trường hợp này, nhà trai

phải đến nhà gái xin phép và nộp phạt với số tiền tương đương từ 100.000 đến 200.000 đồng rồi mới được tổ chức đám cưới.

Các hộ gia đình cùng tín ngưỡng thờ tổ tiên có sự cố kết cao trong đời sống xã hội. Trong sản xuất, các gia đình anh em dòng họ thường làm đôi công giúp nhau. Khi gia đình ốm đau, hoạn nạn, họ hàng đến động viên, giúp đỡ vật chất và giúp canh tác nương rẫy. Tại Trường Sơn, các hộ “cùng ma” thường góp vốn chung để buôn bán trâu bò từ Lào về bán. Mỗi khi có những bất hòa xảy ra, trưởng họ và các bên đều ngồi lại để phân xử, hòa giải. Nhưng người Hmông luôn cố gắng giải quyết những va chạm trong họ một cách ôn hòa bởi đồng bào quan niệm, việc trong họ để người ngoài biết sẽ bị chê cười. Tuy nhiên, gần đây, cũng không tránh khỏi một số vụ việc tranh chấp đất đai, gia súc phá hoại nương rẫy của nhau đã phải đưa ra ban quản lý bản giải quyết, thậm chí có trường hợp phải đưa lên xã.

Tín ngưỡng dòng họ như một vốn xã hội quan trọng đã ảnh hưởng đến đời sống và sự chuyển cư của người Hmông, đồng thời, góp phần không nhỏ vào sự cố kết tộc người. Sự cố kết bởi những tín ngưỡng dòng họ của người Hmông đã vượt xa ra ngoài phạm vi làng bản. Do đặc điểm chuyển cư theo nhóm hộ anh em “cùng ma” nên có tới 58,3% số hộ điều tra còn nhiều anh em họ hàng đang sống ở làng cũ; 58,2% số hộ có người họ hàng đang sinh sống ở ngoài làng, làm các ngành nghề phi nông nghiệp. Dù vậy, bà con vẫn duy trì quan hệ thăm thân khá thường xuyên vào các dịp lễ tết, đám cưới, tang ma, dựng nhà, cúng vía hoặc đến chơi thăm nhau khi nhàn rỗi. Đồng bào còn duy trì mối quan hệ nhiều mặt với họ hàng ở Lào, thậm chí ở các quốc gia khác. Người dân ở Trường Sơn cho

biết, khi sang Lào và Đông Bắc Thái Lan buôn bán, bà con thường tìm đến những người cùng họ, nhất là những người họ hàng cùng chung các tín ngưỡng và những điều kiêng kỵ. Đây là đặc điểm xã hội quan trọng để cộng đồng người Hmông thích ứng, hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội cũng như thắt chặt quan hệ tộc người.

Từ các hình thức tín ngưỡng dòng họ cho thấy, tổ chức dòng họ của người Hmông là một thiết chế truyền thống chặt chẽ hơn nhiều so với người Khơ-mú. Các dòng họ của người Hmông bao giờ cũng có người đầu dòng, đầu họ với vai trò nổi bật trong đời sống sinh hoạt dòng họ và làng bản. Các dòng họ Hmông thường xuyên tiến hành những nghi lễ chung của dòng họ hàng năm. Trong khi đó, các dòng họ ở người Khơ-mú vốn không có người trưởng họ, đầu dòng đầu họ. Vì thế, trước đây, sự cố kết dòng họ của người Khơ-mú chủ yếu dựa trên tín ngưỡng kiêng kỵ tô tem dòng họ và lễ thức thờ ma nhà mang đặc trưng của từng dòng họ. Các trưởng họ của người Khơ-mú ở Kỳ Sơn mới được bầu từ năm 2010 đến nay. Đây là chủ trương và kết quả của cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư*” tại địa phương.

5. Nhận xét và kiến nghị

Mặc dù cuộc sống định cư trong thời kỳ Đổi mới đem đến nhiều thay đổi nhưng các dòng họ Hmông và người Khơ-mú tại địa phương vẫn duy trì các hình thức tín ngưỡng mang đặc trưng dòng họ. Các hình thức tín ngưỡng dòng họ mang dấu ấn nguyên thủy và vẫn phổ biến trong cộng đồng người Hmông và người Khơ-mú ở Kỳ Sơn và nước ta. Tín ngưỡng dòng họ như một vốn xã hội quan trọng để người dân, nhất là người Hmông, cố kết đồng tộc trong

sản xuất, buôn bán trao đổi và các hoạt động xã hội khác.

Tín ngưỡng dòng họ và quan hệ dòng họ mang bản sắc tộc người độc đáo. Những tín ngưỡng dòng họ của người Khơ-mú và người Hmông chính là những nét văn hóa tộc người đặc sắc, thể hiện ở từng hình thức tín ngưỡng, các nghi thức và trình tự thờ cúng. Mặt khác, những yếu tố văn hóa dòng họ này đã góp phần tạo nên sức sống của văn hóa tộc người và liên kết tộc người xuyên biên giới và đa quốc gia. Sự cố kết theo tín ngưỡng dòng họ không chỉ trong lãnh thổ quốc gia mà còn xuyên quốc gia. Trong đó, người Hmông thường có quan hệ dòng họ hai bên biên giới mật thiết hơn so với người Khơ-mú.

Các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng dòng họ của đồng bào Hmông và Khơ-mú là một loại hình văn hóa dân gian truyền thống mang đậm chất nhân văn và triết lý nhân sinh; đồng thời, phản ánh thế giới quan và lịch sử tộc người. Vì vậy, chính quyền và cơ quan chức năng cần quan tâm bảo tồn, phát huy trên cơ sở định hướng hoạt động trong môi trường sinh hoạt văn hóa cộng đồng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương V khóa VIII của Đảng. Trước hết, cần tiến hành sưu tầm và lưu giữ đầy đủ các câu chuyện huyền thoại về tô tem dòng họ, các lễ thức sinh hoạt tín ngưỡng dòng họ.

Đồng bào tại địa phương thường duy trì mối quan hệ mật thiết trên nhiều lĩnh vực giữa những người họ hàng cùng chung tín ngưỡng về nguồn gốc và các tập tục kiêng kỵ trong nội địa và xuyên biên giới. Do đó, cần thường xuyên nắm bắt tình hình, đẩy mạnh tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt chính sách, pháp luật của hai nhà nước Việt - Lào, luật biên giới và quy chế

biên giới nhằm đảm bảo đoàn kết và hữu nghị, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương và địa bàn biên giới.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Quang Hoan (1995), “Một số nghi lễ liên quan đến dòng họ ở người Hmông huyện Kỳ Sơn, Nghệ An”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 14-20.

2. Huyện uỷ - HĐND - UBND huyện Kỳ Sơn (1995), *Đặc trưng văn hoá và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn, Nghệ An*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Hoàng Xuân Lương (2000), *Văn hóa người Mông ở Nghệ An*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

4. Vương Duy Quang (1998), “Quan hệ xã hội truyền thống của người Hmông với vấn đề bảo vệ và phát triển rừng ở vùng núi cao phía Bắc Việt Nam”, trong: *Chương trình người dân vùng cao Việt Nam (HPP) 1996 -2001*, Hà Nội, tr. 191-200.

5. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam: truyền thống và hiện tại*, Nxb Văn hóa - Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.

6. Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

7. Đặng Nghiêm Vạn (1971), “Tàn dư văn hóa nguyên thủy liên quan đến dòng họ, gia đình, hôn nhân người Khơ-mú (Vấn đề tô tem giáo)”, trong: *Dân tộc, văn hóa, tôn giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr. 850-885.

8. Đặng Nghiêm Vạn (1991), “Dòng họ, gia đình các dân tộc ít người trước sự phát triển hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 10-18.

9. Viện Dân tộc học (1999), *Dân tộc Khơ mú ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.